TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **200**/2020/DS-ST
Ngày: 20/7/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2019/DSST ngày 27 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXX-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1956;
Địa chỉ: số 1041/62/59/47/20, đường S, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Ngô Trọng H, sinh năm 1965; *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: số 21/1, đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trương Hồng Đ, sinh năm 1975; *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: số 158A, tổ 8, khu 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2015 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận T, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, nên ngày 01/10/2012 ông đã cho ông Ngô Trọng H và bà Trương Hồng Đ vay số tiền 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)*, thời hạn vay 06 tháng. Mục đích vay: tăng vốn hoạt động kinh doanh phế liệu tổng hợp và mua ô tô tải vận chuyển hàng hóa. Lãi suất do các bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng, tuy nhiên ông H và bà Đ chỉ trả lãi cho ông được 02 tháng. Đến nay đã hết thời hạn vay nhưng ông H và bà Đ không trả vốn gốc cho ông.

Nay ông T yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Trọng H và bà Trương Hồng Đ phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc là 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 02/4/2013 đến ngày xét xử 20/7/2020 là 87 tháng 18 ngày, làm tròn là 87 tháng, lãi suất là 1,125%/tháng, tổng tiền lãi là 700.000.000 đồng x 87 tháng x 1,125% = 685.125.000 đồng *(Sáu trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.385.125.000 đồng *(Một tỉ ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn là ông Ngô Trọng H và bà Trương Hồng Đ vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay:

- Nguyên đơn ông Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn Ngô Trọng H và bà Trương Hồng Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về thời hạn tố tụng: Hồ sơ vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

+ Về nội dung: Căn cứ Giấy biên nhận vay tiền ngày 01/10/2012 viết tay giữa ông Phạm Văn T và ông Ngô Trọng H, bà Trương Hồng Đ, về việc cho vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng. Có cơ sở xác định ông H, bà Đ có vay số tiền 700.000.000 đồng của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H, bà Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của ông T ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Ngô Trọng H và bà Trương Hồng Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện. Do bị đơn ông H

cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Ngô Trọng H và bà Trương Hồng Đ đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Nguyên đơn ông Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Quá trình giải quyết vụ án, do ông T có yêu cầu giám định chữ viết chữ ký ông H và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét Giấy biên nhận vay tiền ngày 01/10/2012 có chữ viết và ký tên của ông H, bà Đ có đủ cơ sở xác định giữa các bên có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản với số tiền là 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)*. Hội đồng xét xử nhận định đây là giao dịch vay tài sản (tiền) thuộc hợp đồng dân sự do hai bên đương sự tự nguyện thực hiện, khi vay có sự thỏa thuận việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán ông H, bà Đ đã không thanh toán cho ông T như thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn ông H, bà Đ có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

Xét Kết luận giám định số 652/GĐ-PC54 (Đ3) ngày 29/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang thể hiện:

"5.1 Chữ ký mang tên "Ngô Trọng H" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên " Ngô Trọng H" trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) là do cùng một người ký ra.

5.2 Chữ viết họ tên "Ngô Trọng H" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết họ tên "Ngô Trọng H" trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) là do cùng một người ký ra".

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa các bên có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản với số tiền là 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)*.

Quá trình giải quyết vụ án, do ông T có yêu cầu giám định chữ viết chữ ký ông H và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi từ ngày 02/4/2013 đến ngày xét xử theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 01/10/2012 ông H, bà Đ và ông T không ghi rõ lãi suất, quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng. Thời hạn vay là 06 tháng (kể từ ngày 01/10/2012), hết thời hạn trên ông H, bà Đ không thực hiện việc trả nợ nên yêu cầu tính lãi của ông T là phù hợp quy định tại Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự 2005. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 20/7/2020, ông T chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận. Ông T yêu cầu ông H, bà Đ phải trả tiền lãi tính từ ngày 02/4/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2020 là 87 tháng 18 ngày, làm tròn là 87 tháng, tổng tiền lãi là 700.000.000 đồng x 87 tháng x 1,125%/tháng = 685.125.000 đồng *(Sáu trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.385.125.000 đồng *(Một tỉ ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền 1.385.125.000 đồng *(Một tỉ ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 478 Bộ luật Dân sự 2005 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng:

- Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự 2005;

- Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T.

Buộc ông Ngô Trọng H và bà Trương Hồng Đ có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T số tiền 1.385.125.000 đồng *(Một tỉ ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*. theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 01/10/2012 hai bên đã ký kết. Trong đó, nợ gốc là 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)* và nợ lãi là 685.125.000 đồng *(Sáu trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*.

Thời hạn và phương thức thanh toán: một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông H và bà Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên thì hàng tháng ông H và bà Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Trọng H và bà Trương Hồng Đ phải chịu số tiền 53.553.750 đồng *(Năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng)*.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí 22.590.000 *(Hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0000622 ngày 07/4/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.

3. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T và bị đơn ông Ngô Trọng H, bà Trương Hồng Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Trang